

Những mẫu câu tiếng Anh giao tiếp cho người mới bắt đầu chào hỏi cơ bản

Trên thực tế, có rất nhiều mẫu câu dùng để chào hỏi, tuy nhiên tùy từng tình huống và đối tượng giao tiếp mà chúng ta có cách sử dụng riêng. Dưới đây, MR-LAM sẽ chia ra 2 cách chào hỏi chính giúp bạn có thể sử dụng một cách khéo léo nhé!

1.1. Mẫu câu chào hỏi trang trọng, lịch sự

- **Hello** (Xin chào)
- **Good morning/ afternoon/ evening** (Chào buổi sáng/ trưa/ tối)

Cách chào hỏi theo từng khoảng thời gian trong ngày. Đây là câu chào hỏi ngắn gọn và thông dụng nhất. Câu chào hỏi này sẽ mở đầu cho một cuộc nói chuyện một cách tự nhiên, giúp bạn dễ dàng gợi mở ra những chủ đề phía sau.

- **Nice to see you** (Rất vui được gặp bạn)

Cách chào hỏi này tương đối phổ biến, khi chúng ta chào những người đã lâu rồi không gặp, thường là mang tính xã giao, lịch sự.

- **How are you?** (Bạn có khỏe không?)
- **I am fine. Thank you!** (Tôi khỏe. Cảm ơn!)
- **I am happy to make your acquaintance** (Tôi rất vui khi được làm quen với bạn)

Đối với một người mới tiếp xúc lần đầu, câu nói này sẽ xây dựng được không gian gần gũi và vui vẻ hơn rất nhiều. Người nghe sẽ cảm nhận được sự chân thành của bạn trong lần đầu gặp mặt

- **I am very pleased to meet you** (Tôi rất vui khi được gặp bạn)
- **Glad to meet you** (Thật vui khi được gặp bạn)

1.2. Mẫu câu chào hỏi thân mật

- **Hey** (Chào)

Bạn có thể dùng Hey trong tình huống giao tiếp với những người thật sự thân thiết. Đó có thể là bạn bè hoặc những người thân với mình đã lâu.

- **What's new?** (Có gì mới không?)

Sau khi chào Hi/ Hello/ Hey, chúng ta có thể tiếp tục hỏi thăm bằng “What's new?” với những người thân thiết. Câu giao tiếp này vừa được coi là một câu chào hỏi đơn giản vừa là một câu hỏi thăm thân mật mà không cần thiết nhận lại câu trả lời từ đối phương.

- **Long time no see** (Lâu rồi không gặp)

Câu nói này có thể dùng ngay sau câu chào hỏi ở phía trên, để thể hiện rõ hơn cảm xúc và tâm trạng của người nói. Đối với những người bạn bè thân thiết đã lâu không gặp lại, câu nói này sẽ diễn tả sự vui mừng khi được gặp lại.

- **What's up?** (Dạo này thế nào rồi?)

Câu này cũng tương tự như “What's new?”, dùng trong giao tiếp giữa hai người bạn thân thiết hoặc của chúng ta với một người em ít tuổi hơn. Câu nói này mang tính vui vẻ, vui tươi, khiến cho cuộc nói chuyện tràn đầy năng lượng hơn.

- **How is it going? hoặc How are you going?** (Dạo này mày sao rồi?)

Để cuộc nói chuyện được tự nhiên, sau khi chào hỏi, bạn có thể tiếp tục với câu nói này. Câu này ý chỉ muốn hỏi thăm tình hình của đối phương như thế nào, thể hiện sự quan tâm mật thiết.

1.3. Mẫu câu để hỏi một số thông tin cơ bản

- **Who are you?** (Bạn là ai?)
- **Who is there?** (Ai kia?)
- **Are you American?** (Bạn có phải người Mỹ không?)
- **Are you British?** (Bạn có phải người Anh không?)
- **Are you Canadian?** (Bạn có phải người Canada không?)
- **Where are you coming from?** (Bạn đến từ đâu vậy?)
- **Does anybody here speak Vietnamese?** (Có ai ở đây nói tiếng Việt không?)
- **What do you wish?** (Bạn mong ước điều gì?)
- **Can I help you?** (Tôi có thể giúp gì cho bạn?)
- **What is this called in English?** (Cái này trong tiếng Anh gọi là gì?)
- **What does this word mean?** (Từ này có nghĩa là gì?)

1.4. Một số mẫu câu giao tiếp khác

- **Please come in** (Xin mời vào)
- **Please sit down** (Vui lòng ngồi xuống)
- **Sit here** (Ngồi đây nhé!)
- **Wait for me** (Chờ tôi nhé!)
- **Wait a minute** (Đợi tí)
- **Wait a moment** (Đợi một chút)
- **Come with me** (Đi với tôi)

- **I don't understand English well** (Tôi không hiểu tiếng Anh được tốt lắm)
- **You speak too fast** (Bạn nói nhanh quá)
- **Please speak more slowly** (Làm ơn nói chậm lại chút được không)
- **I want to see you.** (Tôi muốn được gặp bạn)
- **Please repeat** (Làm ơn nói lại được không)
- **I know** (Tôi biết)
- **I don't know** (Tôi không biết)
- **I am afraid** (Tôi sợ)
- **I think so** (Tôi nghĩ vậy)
- **I don't think so** (Tôi không nghĩ vậy)
- **It seems to me** (Dường như với tôi)
- **I have forgotten** (Tôi đã quên mất)